

### **Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật**

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;

- Tiến độ thi công;

- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;

- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);

- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

- Trong quá trình tham gia dự thầu, nhà thầu dự thầu có đơn giá dự thầu chi tiết cao bất thường so với giá trên thị trường mà nhà thầu không chứng minh được thì xem là không đáp ứng và bị loại.

- Các nhà thầu tham dự thầu thực hiện các giải pháp tiết kiệm 5% khi chỉ định thầu, đấu thầu dự án theo Văn bản số 6000/STC-NS ngày 30/11/2025 của Sở Tài chính tỉnh Cà Mau về việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2026.

#### **3.1. Các vật liệu thi công dùng cho công trình:**

- Xi măng PCB30, PCB40 tương đương Vincem Hà Tiên.

- Thép xây dựng: quy cách theo thiết kế, tương đương thép miền Nam.

- Cát: Cát vàng, cát nền, cát mịn ML=0,7-1,4; ML=1,5-2,0 loại tiêu chuẩn.

#### **3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:**

**3.2.1. Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công:**

| <b>Nội dung yêu cầu</b>                               | <b>Mức độ đáp ứng</b> |
|---|-----------------------|
| <b>a. Mức độ đáp ứng về chủng loại vật tư sử dụng</b> |                       |

|  |  |                  |
|--|--|------------------|
| a.1 Cung cấp bảng Vật tư bao gồm: Tất cả các loại vật tư và thiết bị sử dụng cho công trình  | * <b>Tất cả các loại vật tư, thiết bị Phải nêu rõ:</b><br>- Nêu rõ nguồn gốc,<br>- Nêu rõ Xuất xứ,<br>- Nêu rõ Chung loại, nhãn hiệu (không có nhãn hiệu thì nêu nơi khai thác), Nhà cung cấp (đơn vị sản xuất)  | <b>Đạt</b>       |
|  | Không đáp ứng yêu cầu trên   | <b>Không đạt</b> |
| a.2 Phương án vận chuyển đến chân công trình   | - Nêu rõ đường vận chuyển vật tư, vật liệu xây dựng từ nơi cung cấp đến chân công trình<br>- Phương án bố trí bãi vật tư giao, nhận, lưu trữ vật tư phù hợp với hiện trạng công trình  | <b>Đạt</b>       |
|  | Không đáp ứng yêu cầu trên   | <b>Không đạt</b> |
| a.3 Thí nghiệm vật liệu  | * Nhà thầu phải có phòng thí nghiệm hoặc hợp đồng nguyên tắc với bên cho thuê;<br>* Nhà thầu hoặc bên cho thuê phải chứng minh được phòng thí nghiệm có mã LAS-XD do Bộ Xây dựng cấp;<br>* Phòng thí nghiệm Phải có chức năng thí nghiệm tất các chỉ tiêu phù hợp với gói thầu này (Kèm theo tài liệu chứng minh). | <b>Đạt</b>       |
|  | Không đáp ứng yêu cầu trên   | <b>Không đạt</b> |
| <b>b. Giải pháp kỹ thuật</b>   |  |                  |
| b.1. Tổ chức mặt bằng công trường:<br>+ Lán trại;<br>+ Kho bãi Thiết bị thi công;<br>+ Kho bãi vật liệu, chất thải,<br>+ Bố trí cổng ra vào, rào chắn, biển báo,<br>+ Cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công: | Có bản vẽ mặt bằng bố trí; Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.   | <b>Đạt</b>       |
|  | Không có bản vẽ mặt bằng bố trí; Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.  | <b>Không đạt</b> |

|  |  |                  |
|--|--|------------------|
| b.2 Giải pháp kỹ thuật, biện pháp thi công trắc đạc, định vị mốc ranh, tìm trục công trình, mốc tọa độ và cao độ   | Có giải pháp kỹ thuật (kèm theo bản vẽ minh họa) hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.   | <b>Đạt</b>       |
|  | Không kèm theo bản vẽ minh họa; Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.   | <b>Không đạt</b> |
| b.3. Giải pháp kỹ thuật xây dựng: <b>Tất cả các hạng mục theo Thiết kế BVTC Kèm theo.</b>  | Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện thi công và hiện trạng công trình xây dựng   | <b>Đạt</b>       |
|  | Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện thi công và hiện trạng công trình xây dựng  | <b>Không đạt</b> |
| <b>c. Biện pháp thi công xây dựng</b>  |  |                  |
| Biện pháp thi công xây dựng: <b>Tất cả các hạng mục theo Thiết kế BVTC Kèm theo</b> và nội dung đầu mục công việc thực hiện trong khối lượng yêu cầu.<br>+ Bố trí đủ các mũi thi công, mô tả biện pháp, công nghệ thi công các công việc chính theo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật<br>+ Đảm bảo đủ các công tác thi công xây dựng theo Thiết kế BVTC và nội dung công việc thực hiện. | <b>Tất cả các hạng mục theo Thiết kế</b> và nội dung nội dung đầu mục công việc thực hiện trong khối lượng yêu cầu đáp ứng các yêu cầu sau:<br>+ Có thuyết minh Biện pháp thi công và bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với điều kiện thi công và hiện trạng công trình xây dựng<br>- Bố trí đủ các mũi thi công, tổ đội thi công.<br>- Thể hiện được trình tự thi công chi tiết với đầy đủ các thành phần công việc của hạng mục theo HSTK một cách hợp lý, logic;<br>- Mỗi trình tự thi công được mô tả phù hợp với HSTK, giải pháp tổ chức thi công tổng thể, phù hợp với điều kiện huy động nhân sự và thiết bị mà nhà thầu đã đề xuất | <b>Đạt</b>       |
|  | Không đáp ứng một trong các nội dung nêu trên  | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>  | Các tiêu chuẩn chi tiết 1.1, 1.2, 1.3 được xác định là đạt.  | <b>Đạt</b>       |

|  |                                      |                  |
|--|--------------------------------------|------------------|
|  | Không thuộc các trường hợp nêu trên. | <b>Không đạt</b> |
|--|--------------------------------------|------------------|

### 3.4. Tiến độ thi công

| <b>Nội dung yêu cầu</b>   | <b>Mức độ đáp ứng</b>   |                  |
|---|---|------------------|
| 3.4.1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công không quá: <b>150</b> ngày có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công                                   | Đề xuất thời gian thi công không vượt quá: <b>150</b> ngày có tính đến điều kiện thời tiết.   | <b>Đạt</b>       |
|   | Đề xuất về thời gian thi công vượt quá: <b>150</b> ngày.  | <b>Không đạt</b> |
| 3.4.2. Tính phù hợp:<br>a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công<br>b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công<br>c) Giữa cung cấp vật tư và tiến độ thi công | Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 3 nội dung a), b) và c).   | <b>Đạt</b>       |
|   | Đề xuất không đủ 3 nội dung a), b) và c).   | <b>Không đạt</b> |
| 3.4.3. Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT   | Có Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.                             | <b>Đạt</b>       |
|   | Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật. | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>   | Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết 2.1, 2.2, 2.3 đều được xác định là đạt.  | <b>Đạt</b>       |
|   | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.  | <b>Không đạt</b> |

### 3.5. Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường

| <b>Nội dung yêu cầu</b>   | <b>Mức độ đáp ứng</b>  |                  |
|---|--|------------------|
| a. Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người | Có sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người: Vị trí Chỉ huy trưởng công trường và các nhân sự chủ chốt phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | <b>Đạt</b>       |
|   | Không có sơ đồ, hoặc sơ đồ không thể hiện rõ trách nhiệm của: Vị trí Chỉ huy trưởng công trường và các nhân sự chủ chốt,                                 | <b>Không đạt</b> |

|  |   |                  |
|--|---|------------------|
|  | không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công     |                  |
| b. Bảo đảm giao thông: An toàn ra vào công trình cho công nhân và người dân trong khu vực. | Đề xuất đầy đủ, cụ thể và khả thi                           | <b>Đạt</b>       |
|  | Không đề xuất hoặc đề xuất thiếu.                           | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>  | Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết 3.1, 3.2 đều được xác định là đạt. | <b>Đạt</b>       |
|  | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.        | <b>Không đạt</b> |

### 3.6. Các biện pháp bảo đảm chất lượng

| <b>Nội dung yêu cầu</b>   | <b>Mức độ đáp ứng</b>   |                  |
|---|---|------------------|
| 5.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công: các hạng mục theo Thiết kế BVTC và nội dung công việc thực hiện | Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công   | <b>Đạt</b>       |
|   | Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.    | <b>Không đạt</b> |
| 5.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên vật liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công.                           | Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.  | <b>Đạt</b>       |
|   | Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.              | <b>Không đạt</b> |
| 5.3. Biện pháp quản lý tài liệu, hồ sơ, nhật ký thi công, bản vẽ hoàn công, nghiệm thu, thanh quyết toán.         | Có quy trình biện pháp quản lý hợp lý, khả thi phù hợp với các quy định của pháp luật.  | <b>Đạt</b>       |
|   | Không có quy trình biện pháp quản lý hợp lý, khả thi hoặc có quy trình biện pháp quản lý nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với các quy định của pháp luật. | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>   | Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết 4.1, 4.2, 4.3 đều được xác định là đạt.  | <b>Đạt</b>       |
|   | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.  | <b>Không đạt</b> |

### 3.7. Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng

### cháy, chữa cháy, an toàn lao động

| Nội dung yêu cầu   | Mức độ đáp ứng  |                  |
|--|---|------------------|
| <b>a. Vệ sinh môi trường</b>   |   |                  |
| Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công   | <b>Đạt</b>       |
|  | Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | <b>Không đạt</b> |
| <b>b. Phòng cháy, chữa cháy</b>  |   |                  |
| Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công     | Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công  | <b>Đạt</b>       |
|  | Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công           | <b>Không đạt</b> |
| <b>c. An toàn lao động</b>   |   |                  |
| Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công           | Có biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công   | <b>Đạt</b>       |
|  | Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp an toàn lao động nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công                     | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>  | Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết 5.1, 5.2, 5.3, đều được xác định là đạt.   | <b>Đạt</b>       |
|  | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.  | <b>Không đạt</b> |

### 3.8. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì

| Nội dung yêu cầu   | Mức độ đáp ứng   |                  |
|--|--|------------------|
| <b>a. Bảo hành</b>   |  |                  |
| Thời gian bảo hành <b>12 tháng</b> và thuyết minh chế độ bảo hành và nhiệm vụ của nhà thầu | Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng <b>12 tháng</b> và thuyết minh đầy đủ, rõ ràng | <b>Đạt</b>       |
|  | Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn <b>12 tháng</b> hoặc không có thuyết minh đầy đủ, rõ     | <b>Không đạt</b> |

|   |   |                  |
|---|---|------------------|
| trong quá trình bảo hành  | ràng  |                  |
| <b>b. Bảo trì</b>   |   |                  |
| Thuyết minh chế độ bảo trì và nhiệm vụ của nhà thầu trong quá trình bảo trì | Có Thuyết minh đầy đủ, rõ ràng                              | <b>Đạt</b>       |
|   | Không có thuyết minh đầy đủ, rõ ràng                        | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b>   | Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết 6.1, 6.2 đều được xác định là đạt. | <b>Đạt</b>       |
|   | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.        | <b>Không đạt</b> |

### 3.9. Uy tín của nhà thầu (thông qua việc tham dự thầu)

| <b>Nội dung yêu cầu</b>   | <b>Mức độ đáp ứng</b>   |                       |
|---|---|-----------------------|
| <b>a. Uy tín của nhà thầu (thông qua việc tham dự thầu)</b>   |   |                       |
| Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu các công trình/dự án trước đó trong vòng 04 năm (2022, 2023 và 2025) trở lại đây. | - Nhà thầu không vi phạm ít nhất 2 nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025.<br>Đạt - Nhà thầu vi phạm ít nhất 2 nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025   | <b>Đạt</b>            |
|   | - Nhà thầu không vi phạm ít nhất 2 nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025.<br>Đạt - Nhà thầu vi phạm ít nhất 2 nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025   | <b>Không đạt</b>      |
| <b>b. Uy tín của nhà thầu (thông qua việc thực hiện hợp đồng tương tự)</b>  |   |                       |
| Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó trong vòng 04 năm (2022, 2023 và 2025) trở lại đây.   | Không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ và nhà thầu không vi phạm chất lượng công trình ( <b>Nhà thầu cung cấp bản cam kết kèm theo</b> ).  | <b>Đạt</b>            |
|   | - Có 1 hợp đồng tương tự bị chậm tiến độ bị nhắc nhở cảnh cáo đến lần thứ 3 nhưng lại có 1 hợp đồng tương tự được giải thưởng về tiến độ hoặc được giải thưởng về chất lượng công trình.<br>- Có 1 hợp đồng tương tự bị chậm tiến độ bị nhắc nhở cảnh cáo đến lần thứ 3 và thời gian chậm tiến độ dưới 15% so với thời gian ghi trong hợp đồng. | <b>Chấp nhận được</b> |

|                 |  |                  |
|-----------------|--|------------------|
|                 | - Có 1 hợp đồng tương tự vi phạm chất lượng, tiến độ bị phạt hợp đồng dưới 5% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.  |                  |
|                 | - Có 1 hợp đồng tương tự bị chậm tiến độ bị nhắc nhở cảnh cáo đến lần thứ 3 và thời gian chậm tiến độ từ 15% trở lên so với thời gian ghi trong hợp đồng.<br>- Có 1 hợp đồng tương tự vi phạm chất lượng, tiến độ bị phạt hợp đồng từ 5% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm trở lên.<br>- Nhà thầu thực hiện hợp đồng chậm tiến độ, không bảo đảm chất lượng công trình đến mức chủ đầu tư phải chấm dứt hợp đồng.<br>- Nhà thầu không thực hiện trách nhiệm sửa chữa, bảo hành trong thời gian bảo hành theo quy định của hợp đồng mà Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án đã nhắc nhở bằng văn bản đến lần thứ 3. | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b> | Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết 7.1, 7.2 đều được xác định là đạt.  | <b>Đạt</b>       |
|                 | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.   | <b>Không đạt</b> |

### 3.10. Các yếu tố cần thiết khác

| <b>Nội dung yêu cầu</b>   | <b>Mức độ đáp ứng</b>   |                  |
|---|---|------------------|
| <b>a. Cam kết của Nhà thầu về tính sẵn sàng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị đã đề xuất nếu trúng thầu</b> | Có cam kết bằng văn bản của nhà thầu với đầy đủ các nội dung theo yêu cầu như sau:<br>+ Cam kết sẵn sàng chuẩn bị bản gốc (Bản của đơn vị cấp) của các tài liệu đã nộp để đối chiếu<br>+ Cam Kết các nhân sự Chủ chốt do Nhà thầu đề xuất tham gia dự thầu sẽ được liên hệ trực tiếp nếu Chủ đầu tư và Bên Mời thầu cần xác minh làm rõ tại Bước đối chiếu, thương thảo hợp đồng. | <b>Đạt</b>       |
|   | Không có văn bản cam kết hoặc có nhưng không đáp ứng đúng, đầy đủ tất cả các nội dung nêu trên  | <b>Không đạt</b> |
| <b>b. Cam kết của Các nhân sự chủ chốt</b>  | <b>Các nhân sự chủ chốt được đề xuất cho gói thầu Phải Có cam kết bằng văn bản với đầy đủ các nội dung theo yêu cầu như sau:</b><br>+ Họ tên đầy đủ,<br>+ Số Căn cước công dân,<br>+ Đơn vị sử dụng lao động,   | <b>Đạt</b>       |

|                 |  |                  |
|-----------------|--|------------------|
|                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Địa chỉ liên hệ của cá nhân,</li> <li>+ Số điện thoại Cá nhân.</li> <li>+ Cam kết sẵn sàng huy động để thực hiện gói thầu (Đúng tên gói thầu vai trò thực hiện)</li> <li>+ Cam Kết sẵn sàng đến đối chiếu Nếu Chủ đầu tư và Bên Mời thầu cần xác minh làm rõ tại Bước đối chiếu, thương thảo hợp đồng.</li> </ul> |                  |
|                 | Không có văn bản cam kết hoặc có nhưng không đáp ứng đúng, đầy đủ tất cả các nội dung nêu trên   | <b>Không đạt</b> |
| <b>Kết luận</b> | Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết 8.1, 8.2 đều được xác định là đạt.  | <b>Đạt</b>       |